

# RUNG LẮC QUANH VÙNG CẢN 1.275-1.280 ĐIỂM

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Nhà đầu tư có thể trải lệnh gia tăng thêm 1 phần vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số hoặc các mã cổ phiếu mục tiêu lùi về các mốc hỗ trợ gần.
<b>BÁN</b>	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.275-1.288 điểm.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

GMD

MUA

↑ 8,66%

VND72.800

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (6/12), với hai chỉ số S&P 500 và Nasdaq cùng đóng cửa ở mức cao kỷ lục mới.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường chứng khoán trong nước tuần qua tiếp tục giao dịch tích cực, đặc biệt bùng nổ trong giai đoạn cuối tuần khi lực cầu gia tăng mạnh mẽ. Tâm lý nhà đầu tư được cải thiện rõ rệt, kéo theo đó là thanh khoản cải thiện. Tuy nhiên, phiên cuối tuần chỉ số chung linh xình sau phiên bùng nổ theo đà, đây là diễn biến bình thường nhưng vẫn có khả năng cao là chỉ số sẽ cần tích lũy lại một vài phiên trước khi đà tăng ngắn hạn quay trở lại và hướng đến gần hơn vùng kháng cự 1.300 điểm.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
<b>Dow Jones</b>	44.642,52	-0,28	18,45
<b>S&amp;P 500</b>	6.090,27	0,25	27,68
<b>Nasdaq</b>	19.859,77	0,81	32,30
<b>VIX</b>	12,77	-5,69	2,57
<b>DAX</b>	20.384,61	0,13	21,69
<b>FTSE 100</b>	8.308,61	-0,49	7,44
<b>CAC40</b>	7.426,88	1,31	-1,54
<b>Hang Seng</b>	19.757,29	-0,55	15,90

Nguồn: Bloomberg

### ĐIỂM NHẤN KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng VN-Index</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
<b>RSI (14)</b>	<b>62,37</b>	<b>BUY</b>
<b>MACD (12,26)</b>	<b>1,45</b>	<b>BUY</b>
<b>ADX (14)</b>	<b>17,30</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA5</b>	<b>1.255,82</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA20</b>	<b>1.238,87</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA50</b>	<b>1.258,01</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA100</b>	<b>1.256,78</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA200</b>	<b>1.258,57</b>	<b>BUY</b>

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Báo cáo cho thấy khu vực phi nông nghiệp của nền kinh tế lớn nhất thế giới có thêm 227.000 công việc mới trong tháng 11, nhiều hơn con số dự báo 214.000 công việc mới mà các chuyên gia kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones. Số đầu việc mới này cũng vượt xa con số 36.000 công việc mới của tháng 10. Tỷ lệ thất nghiệp của tháng 11 tăng nhẹ lên mức 4,2% như dự báo.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London giảm 0,97 USD/thùng, tương đương giảm 1,35%, chốt ở mức 71,12 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York giảm 1,1 USD/thùng, tương đương giảm 1,61%, còn 67,2 USD/thùng.
- Trong 11 tháng, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 715,55 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,31 tỷ USD. Tính chung 11 tháng, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 715,55 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,4%; nhập khẩu tăng 16,4%. Xuất siêu 11 tháng ở mức 24,31 tỷ USD.
- Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2024, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2024 tăng 0,13% so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng 11 tăng 2,65% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,77%.
- Trong 11 tháng đầu năm có 173.200 doanh nghiệp rời bỏ thị trường, cao hơn cả năm 2023 là 172.000 doanh nghiệp cho thấy tình hình khó khăn của cộng đồng doanh nghiệp.
- **VNM:** HĐQT CTCP Sữa Việt Nam đã công bố nghị quyết thông qua việc tạm ứng cổ tức tiền mặt đợt 2/2024. Tổng tỷ lệ cổ tức chi trả là 5% bằng tiền. Ngày đăng ký cuối cùng là 27/12, tương ứng ngày giao dịch không hưởng quyền là 26/12. Ngày chi trả dự kiến là 28/2/2025.
- **OCB:** Ông Phạm Hồng Hải thông báo giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông. Theo đó, ông Phạm Hồng Hải - Tổng Giám đốc đã đăng ký mua vào 300.000 cổ phiếu OCB, tỷ lệ 0,012% vốn ngân hàng. Giao dịch dự kiến diễn ra từ 11/12/2024 đến ngày 9/1/2025 theo phương thức thỏa thuận hoặc khớp lệnh qua sàn.
- **TDM:** CTCP Nước Thủ Dầu Một vừa công bố kết quả kinh doanh ước tính 11 tháng đầu năm 2024. Cụ thể, sản lượng nước tiêu thụ đạt hơn 62,6 triệu m<sup>3</sup>, tăng 4% so với cùng kỳ. Tỷ lệ thất thoát nước ở mức 0,49%, tăng so với cùng kỳ (0,48%). Doanh thu sản xuất nước gần 435 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ, thực hiện được 88% kế hoạch năm. Lãi sau thuế 11 tháng hơn 184 tỷ đồng, giảm 33% so với cùng kỳ, thực hiện được 96% kế hoạch năm.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.645,75	0,47	28,25
Dầu WTI	67,42	0,33	-5,90
Dầu Brent	71,34	0,31	-7,40
Than	133,25	0,00	-8,98
Đồng	9.122,50	0,53	6,58
Quặng sắt	107,19	1,98	-22,28
Thép	485,00	-0,51	-14,11

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	106,055	0,00	4,66
USD/JPY	149,96	0,03	-5,95
USD/CNY	7,2767	-0,07	-2,43
EUR/USD	1,0552	-0,15	-4,41
GBP/USD	1,2739	-0,04	0,06

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	678,95	149.500	0,67
HPG	656,65	27.600	-0,90
SSI	884,15	26.350	2,53
MWG	478,72	61.100	0,16
DXG	184,97	17.700	-1,39

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	526.492,40	94.200	0,21
BID	265.640,31	46.600	1,30
FPT	219.924,84	149.500	0,67
CTG	194.662,20	36.250	-0,41
HPG	176.536,51	27.600	-0,90

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# GMD

**Khuyến nghị**
**Giá hiện tại**
**Giá mục tiêu**
**Tiềm năng tăng giá**
**Vùng tăng tỷ trọng**
**Ngưỡng cắt lỗ**
**MUA**
**67.400**
**72.800**
**8,66%**
**66.000–67.500**
**<63.600**

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế trong 9 tháng đầu năm 2024, Gemadept ghi nhận doanh thu tăng 21,6%, lên 3.420,55 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.549,46 tỷ đồng. Năm 2024, Gemadept lên kế hoạch doanh thu 4.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế dự kiến 1.686 tỷ đồng. Như vậy, kết thúc 9 tháng đầu năm 2024 với lãi trước thuế đạt 1.728,38 tỷ đồng, Gemadept đã hoàn thành tới 102,5%.
- Mạng cảng biển tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của **Tập đoàn Gemadept**. Đáng chú ý, lợi nhuận gộp của mạng này (không bao gồm cảng liên doanh Gemalink) trong quý 3/2024 đã tăng tới 61% so với cùng kỳ năm ngoái.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- GMD phân tích lũy đã bật tăng mạnh mẽ trong 2 phiên vừa qua. Thanh khoản đang được cải thiện trong những phiên gần đây. Nhà đầu tư đang cảm GMD có thể cạnh tranh các nhịp điều chỉnh để giải ngân tăng tỷ trọng, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 66.000–67.500 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
<b>DTT (tỷ đ)</b>	3.898	3.846	1.264
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	1.308	3.147	501
<b>LNST (tỷ đ)</b>	1.161	2.534	448
<b>Nợ/VCSH (%)</b>	26	20	18
<b>ROE (%)</b>	13,81	28,17	14,68
<b>ROA (%)</b>	8,37	16,94	9,91
<b>EPS (VNĐ)</b>	2.584	6.138	3554,81
<b>P/E (lần)</b>	15,0	9,8	18,96
<b>P/B (lần)</b>	1,98	2,51	2,71

Nguồn: VPBankS Research

## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
<b>RSI (14)</b>	<b>64,53</b>	<b>BUY</b>
<b>MACD (12,26)</b>	<b>0,23</b>	<b>BUY</b>
<b>ADX (14)</b>	<b>11,90</b>	<b>NEUTRAL</b>
<b>SMA5</b>	<b>65.280</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA20</b>	<b>65.010</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA50</b>	<b>64.540</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA100</b>	<b>65.860</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA200</b>	<b>66.750</b>	<b>BUY</b>

## ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			3,69%
2	STB	Nắm giữ	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30			7,30%
3	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			3,69%
4	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			3,88%
5	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			4,15%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	PLX	Cắt lỗ	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8	15/10/2024	42,8	-5,62%
6	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
7	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
8	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
9	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
10	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
11	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
12	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
13	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
14	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
15	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị ngày 30/10/2024

MICP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Điểm 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(90%)	18-19	-(-13%-18%)
Chốt lời 2:(90%)	21-22	-(-18-37%)

  

MICP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	Có thể DCA ở 61-62	-(-5%)
Chốt lời 1:(90%)	72-75	-(-12%-14%)
Chốt lời 2:(90%)	Năm giờ	

  

MICP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.4	-(-4%)
Chốt lời 1:(90%)	23-24	-(-7%-12%)
Chốt lời 2:(90%)	25.5-26	-(-13%-14%)

by Thanh Đan @ginlabs.vn

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mô chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	🕒 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 267 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)